

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2022

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hội

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc H – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Hiệp A, xã Phổ P, thị xã ĐP, tỉnh QNg. Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Hiệp A, xã Phổ P, thị xã ĐP, tỉnh QNg. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/5/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Đ tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ P vào năm 1997. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã và tự sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, phần ai nấy sống không quan

tâm gì đến nhau. Nay ông H cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Văn H – sinh ngày 09/11/1997 và Huỳnh Thị Thu H - sinh ngày 29/3/2003, hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không có văn bản trình bày ý kiến đồng thời không đến Tòa tham gia tố tụng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Huỳnh Ngọc H ly hôn bà Nguyễn Thị Đ; 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ ở thôn Hiệp A, xã Phô P, thị xã ĐP, tỉnh QNg nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đạo.

[3] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Phô P do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà Đ là hoàn toàn hợp pháp. Vợ chồng ông H, bà Đ sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng mâu thuẫn thời gian dài nhưng không có hướng khắc phục, đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà Đ bỏ mặc không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà Đ đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn bà Đ.

[4] Về con chung: Vợ chồng ông H, bà Đ có hai người con là Huỳnh Văn H – sinh ngày 09/11/1997 và Huỳnh Thị Thu H - sinh ngày 29/3/2003, hiện nay các con đã trưởng thành, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về nợ chung: Ông H khai không có nên Tòa không xét.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Huỳnh Ngọc H được ly hôn bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Vợ chồng ông H, bà Đ có hai người con là Huỳnh Văn H – sinh ngày 09/11/1997 và Huỳnh Thị Thu H - sinh ngày 29/3/2003, hiện nay các con đã trưởng thành, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không xét.

3. Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông H khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002248 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã ĐP;
- THADS thị xã ĐP;
- TAND tỉnh QNg;
- UBND xã Phồ P
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thùy Trâm

Trần Thị Hội

Phạm Minh Trung

